TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2021

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan.**

3. Ông **Trương Văn Hơn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vĩnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 458/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Hoàng D**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Hoàng D trình bày:

Chị và anh N kết hôn và sống chung từ năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, chị D có mâu thuẫn với mẹ chồng do mẹ chồng đòi đập nhà để trả đất cho mẹ chồng, việc này xảy ra nhiều năm, mỗi lần cãi vả với mẹ chồng thì mẹ chồng thường hay đuổi chị ra khỏi nhà, chị D có nói với anh N nhưng anh N không có ý kiến gì, sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng không có hàn gắn trao đổi tình cảm, hiện tại không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay không còn tình cảm với anh N nên chị D yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/10/1998, Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 23/7/2000 và Nguyễn Hoàng Ngọc N, sinh ngày 08/12/2004. Khi ly hôn, cháu Thủy và cháu D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Ngọc N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Văn N đã được tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hoàng D.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng D, cho chị Nguyễn Hoàng D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N, cháu T và cháu D đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giao con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc N cho chị D nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng do chị D không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; chị D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Hoàng D có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng D và anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số I/98 ngày 08/6/1998, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Nguyễn Hoàng D cho rằng quá trình sống chung, vợ chồng không hợp nhau, chị D có mâu thuẫn với mẹ chồng do mẹ chồng đòi dập nhà để trả đất cho mẹ chồng, việc này xảy ra nhiều năm, mỗi lần cãi vả với mẹ chồng thì mẹ chồng thường hay đuổi chị ra khỏi nhà, chị D có nói với anh N nhưng anh N không có ý kiến gì, sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Ngoài ra biên bản xác minh ngày 20/4/2021 của

Tòa án nhân dân huyện G xác minh ông Nguyễn Văn Hưởng là trưởng ấp 7, xã Tân Phước về nguyên nhân mâu thuẫn của chị D và anh N như sau: "chị D hay ăn chơi, nhậu nhẹt, cả hai không củng vun vén gia đình, nên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung."

[4] Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, chị Nguyễn Hoàng D và anh Nguyễn Văn N thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa chị Nguyễn Hoàng D và anh Nguyễn Văn N không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị Nguyễn Hoàng D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/10/1998, Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 23/7/2000 và Nguyễn Hoàng Ngọc N, sinh ngày 08/12/2004. Khi ly hôn, cháu Thủy và cháu D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Ngọc N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, anh Nguyễn Văn N cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị D nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc N của chị D, là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu T và D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng D không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Hoàng D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hoàng D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc Nghị, sinh ngày 08/12/2014 cho chị Nguyễn Hoàng D nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 11/10/1998, Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 23/7/2000 đã trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có;

- Về án phí: Chị Nguyễn Hoàng D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018304 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An